| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TỊNH BIÊN**<br>TỈNH AN G | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 53/2018/DS-ST
Ngày: 24-10- 2018
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ (đào đắp đê).

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Võ Thanh Tòng.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Lê Văn Hoàng;

2. Bà Huỳnh Thị Thanh.

***- Thư ký phiên toà***: Ông Võ Thanh Hùng, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An G.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An G tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Hoàng Phong, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2018/TLST-DS ngày 09/01/2018, về việc: *"Tranh chấp hợp đồng dịch vụ (đào dắp đê)",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2018/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2018 và Thông báo mở lại phiên tòa số 15/2018/TB-MLPT ngày 15 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông Liêu Sáng N, sinh năm: 1982; địa chỉ nơi cư trú: Đường Hoàng Diệu, phường CP, thành phố C, tỉnh An G; có ông Trần Chí C, sinh năm: 1976; địa chỉ nơi cư trú: Ấp H, xã C, thị xã T, tỉnh An G làm đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền ngày 24/11/2017.

*2. Bị đơn:*

- Ông Nguyễn Văn G, sinh năm: 1972;

- Bà Võ Thu B, sinh năm: 1975;

Cùng địa chỉ nơi cư trú: Đường Hương Lộ 11, tổ 02, ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An G

Ông Trần Chí C có mặt tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn G và bà Võ Thị B

vắng mặt không rõ lý do;

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án,cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Liêu Sáng N có anh Trần Chí C trình bày: Vào năm 2014, vợ chồng ông Nguyễn Văn G và bà Võ Thu B có thuê ông Liêu Sáng N đào đất đắp đê công trình Hào đê Ô Long Vĩ thuộc huyện Châu Phú, giữa hai bên chỉ thỏa thuận miệng, khi xong, hai bên thống nhất quyết toán ngày 10/8/2014, ông G và bà B còn nợ lại 56.275.000 đồng, có làm giấy nhận nợ hứa sẽ trả số tiền vào ngày 10/9/2014 cả vốn và lãi suất 3%/tháng. Nhưng từ lúc làm giấy đến nay, bà B và ông G không chịu trả. Do đó, anh C yêu cầu ông G, bà B phải trả cho ông N số tiền 56.275.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Ông Liêu Sáng N đã cung cấp giấy nhận nợ ngày 10/8/2014 để chứng mih cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Văn G và bà Võ Thu B để lấy lời khai, hòa giải cũng như thông báo yêu cầu ông G và bà B cung cấp ý kiến và tài liệu chứng cứ về việc yêu cầu khởi kiện của ông N, nhưng ông G và bà B không đến Tòa án, cũng như không trình bày ý kiến đối với việc yêu cầu khởi kiện của ông N nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

***Theo lời khai ngày 23/7/2018 của người làm chứng, chị Võ Thị Tường V khai:*** Chị V và ông Liêu Sáng N và bà Võ Thu B(vợ ông Nguyễn Văn G) là bà con. ông G thì có công trình đê Ô Long Vĩ, huyện Châu Phú; ông N thì có máy cẩu, nên chị V có giới thiệu cho vợ chồng bà Võ Thị B, ông Nguyễn Văn G để hợp tác làm ăn với ông Liêu Sáng N. Chị V cho số điện thoại hai người để trực tiếp liên hệ làm ăn với nhau. Chị có nghe ông N nói việc ông G và bà B nợ tiền khoảng 50.000.000 đồng nhưng không trả.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau:

- Về tố tụng:

+ Thẩm phán: Được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Tuy nhiên, Thẩm phán còn để án quá thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 BLTTDS năm 2015.

+ Người tham gia tố tụng: Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình the điều 70, 72 BLTTDS năm 2015.

+ Hội đồng xét xử, Thư ký: Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Tuy nhiên, Thẩm phán còn để vụ án kéo dài quá thời hạn chuẩn bị xét xử.

+ Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, cơ bản đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 vBLTTDS. Riêng đối với các đồng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 70, 72 BLTTDS.

- Về nội dung:

+ Theo trình bày của nguyên đơn, người đại diện của nguyên đơn thể hiện việc ông Nguyễn Văn G và bà Võ Thu B có thuê ông Liêu Sáng N đào đất đắp đê công trình Hào đê Ô Long Vĩ thuộc huyện Châu Phú, giữa hai bên chỉ thỏa thuận miệng, khi xong, hai bên thống nhất quyết toán ngày 10/8/2014, ông G và bà B còn nợ lại 56.275.000 đồng, có làm giấy nhận nợ hứa sẽ trả số tiền vào ngày 10/9/2014 cả vốn và lãi suất 3%/tháng. Nhưng từ lúc làm giấy đến nay, bà B và ông G không chịu trả, xét việc nợ tiền đã được ông G và bà B ký vào biên nhận, thể hiện việc nhận nợ ông Liêu Sáng N nhưng không trả. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Liêu Sáng N, buộc ông Nguyễn Văn G và bà Võ Thu B có trách nhiệm liên đới trả cho ông Liêu Sáng N số tiền 56.275.000 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về tố tụng:*

*Về thẩm quyền:* Ông Liêu Sáng N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn G và bà Võ Thu B trả lại số tiền 56.275.000 đồng, không yêu cầu tính lãi từ hợp đồng đào đất đắp đê Ô Long Vĩ. Xét đây là tranh chấp hợp đồng dân sự theo khoản 3 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ông Nguyễn Văn G và bà Võ Thu B cư trú tại Đường Hương Lộ 11, tổ 02, ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An G. Nên, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*Về thời hiệu khởi kiện:* Hợp đồng dịch vụ đào đắp đê giữa ông Liêu Sáng N và ông Nguyễn Văn G, bà Võ Thu B được xác lập năm 2014 và công trình thi công hoàn tất và kết sổ ngày 10/8/2014. Ngày 28/12/2017, ông Liêu Sáng N khởi kiện; Nên, theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 hết thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu theo quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

*Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:* Ông Nguyễn Văn G và bà Võ Thu B được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt, không rõ lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông G và bà B theo quy định tại khoản 2, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*[2] Về nội dung:*

Xét nội dung của giấy nhận nợ ngày 10/8/2014 do ông Nguyễn Văn G và bà Võ Thu B cùng ký tên thừa nhận có nợ ông Liêu Sáng N 56.275.000 đồng của việc quyết toán công trình Hào đê Ô Long Vĩ. Theo giấy nhận nợ, ông G và bà B có cam kết sẽ trả cho ông N 56.275.000 đồng vào ngày 10/9/2014 và lãi suất 3%/tháng. Tuy nhiên, ông G và bà B đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Nên, ông Liêu Sáng N khởi kiện ông G, bà B phải trả số tiền 56.275.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Văn G và bà Võ Thu B ghi nhận ý kiến, cũng như thông báo yêu cầu ông G, bà B cung cấp lời khai và tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của ông Liệu sáng N buộc ông G và bà B có trách nhiệm liên đới trả số tiền 56.275.000 đồng của việc cung ứng dịch vụ đắp đê Ô Long Vĩ. Ông G và bà B biết yêu cầu khởi kiện của ông N yêu cầu ông bà trả số tiền 56.275.000 đồng. Nhưng ông G, bà B không cung cấp ý kiến, không đến cung cấp lời khai theo yêu cầu của Tòa án về việc ông N khởi kiện. Nên ông G, bà B đã từ bỏ quyền để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông N.

Theo lời khai của người làm chứng chị Võ Thị Tường V, chị V xác định, chị là người trung gian giới thiệu ông N cho ông G và bà B, để ông N thực hiện Công trình đào đắp đê Ô Long Vĩ do ông G và bà B là chủ thầu dự án. Nhưng chị không biết ông N và ông G, bà B thỏa thuận việc thi công và tiền thi công ra sao, chị chỉ nghe ông N than với chị, việc ông G và bà B nợ tiền khoảng 50.000.000 đồng.

Từ đó cho thấy, Hợp đồng cung ứng dịch vụ công trình Hào đê Ô Long Vĩ giữa ông N và ông G, bà B là có thật. Căn cứ theo giấy nhận nợ ngày 10/8/2014, ông Nguyễn Văn G và bà Võ Thu B có ký nhận nợ ông Liệu Sáng N số tiền 56.275.000 đồng. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Liêu Sáng N về việc buộc ông Nguyễn Văn G và bà Võ Thu B trả số tiền 56.275.000 đồng. Do ông N không yêu cầu tính lãi suất theo giấy nhận nợ, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Ông Liêu Sáng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông N số tiền 1.407.000 (một triệu bốn trăm lẻ bảy ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Nguyễn Văn G và bà Võ Thu B phải chịu 2.813.000 (hai triệu tám trăm mười B ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ vào Điều 288, Điều 385, Điều 513, Điều 514, Điều 519 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3, Điều 24; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Liêu Sáng N.

Buộc ông Nguyễn Văn G và bà Võ Thu B có trách nhiệm liên đới trả cho ông Liêu Sáng N số tiền 56.275.000 *(năm mươi sáu triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn đồng)*.

Về án phí: Hoàn trả cho ông Liêu Sáng N 1.407.000 *(một triệu bốn trăm lẻ bảy ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số TU/2016/0003982 ngày 08/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên

Ông Nguyễn Văn G và bà Võ Thu B phải chịu 2.813.000 *(hai triệu tám trăm mười B ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ông Liêu Sáng N (có anh Trần Chí C làm đại diện theo ủy quyền) có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An G xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Văn G và bà Võ Thu B là 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- VKS nhân dân H. Tịnh Biên (1);
- Tòa án nhân dân tỉnh An G(1);
- Thi hành án DS H. Tịnh Biên(1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thanh Tòng**